



Flashcardo.com

Doufáme, že tyto tisknutelné kartičky pro vás budou užitečné. Pokud chcete najít ještě více produktů s kartičkami, navštivte naše webové stránky www.flashcardo.com/cs. Na Flashcardo.com nabízíme online kartičky, kartičky se systémem opakování v intervalech, video kartičky a mnoho dalšího. Vše zdarma a připravené k použití pro studenty po celém světě.

Autorská práva, poznámky k licenci

Tento PDF soubor je chráněn autorským právem a všechna práva jsou vyhrazena. Tento PDF můžete volně sdílet s kýmkoli. Nesmíte jej však prodávat ani prodávat jeho obsah. Pokud máte jakékoli dotazy, navštivte prosím www.flashcardo.com/cs a kontaktujte nás. Děkujeme!

Odmítnutí odpovědnosti

TENTO PDF SOUBOR JE POSKYTOVÁN „TAK, JAK JE“, BEZ ZÁRUKY JAKÉHOKOLI DRUHU, VÝSLOVNÉ NEBO PŘEDPOKLÁDANÉ, VČETNĚ, ALE NIKOLI VÝHRADNĚ, ZÁRUK PRODEJNOSTI, VHODNOSTI PRO URČITÝ ÚČEL A NEPORUŠENÍ PRÁV. AUTOŘI ANI DRŽITELÉ AUTORSKÝCH PRÁV NEBUDOU V ŽÁDNÉM PŘÍPADĚ ODPOVĚDNI ZA JAKÝKOLI NÁROK, ŠKODU NEBO JINOU ODPOVĚDNOST, AŽ UŽ V RÁMCI SMLOUVY, DELIKTU NEBO JINAK, VYPLÝVAJÍCÍ Z PDF SOUBORU, JEHO POUŽÍVÁNÍ NEBO JINÝCH ČINNOSTÍ S NÍM SOUVOLEJÍCÍCH.

Autorská práva © 2025 Flashcardo.com. Všechna práva vyhrazena

Oboustranný tisk

Vezměte prosím na vědomí, že tyto kartičky jsou určeny k oboustrannému tisku. Pokud váš tiskárna neumí tisknout oboustranně, stáhněte si prosím jednostranné PDF soubory s kartičkami pro tisk.

Základy

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

on

ty

já

my

ono

ona

co

oni

vy

proč

kde

kdo

kdy

který

jak

opravdu

pokud

pak

ne

protože

ale

này

đó
vật

tất cả

hoặc

và

đây

đó
địa điểm

trái

phải

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

všechno

že

tento

tady

a

nebo

vpravo

vlevo

tam

dopoledne

odpoledne

ted'

večer

ráno

noc

hodina

půlnoc

poledne

den

sekunda

minuta

tuần

tháng

năm

hôm qua

hôm nay

ngày mai

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

rok

měsíc

týden

zítra

dnes

včera

středa

úterý

pondělí

sobota

pátek

čtvrtek

muž

žena

neděle

přítelkyně

přítel

láska

sex

polibek

kamarád

trẻ em

con gái
đại cương

con trai
đại cương

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

chồng

vợ

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

chlapec

dívka

dítě

matka

táta

máma

syn

rodiče

otec

mladší bratr

mladší sestra

dcera

manžel

starší bratr

starší sestra

vždy

každý

manželka

již

znovu

vlastně

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

không có

rất

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

mọi người

cùng nhau

khác

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

více

většina

méně

venku

velmi

žádný

blízko

daleko

uvnitř

vedle

nad

pod

všichni

zadní

přední

jaro

jiný

spolu

zima

podzim

léto

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

bắc

đông

nam

tây

thường xuyên

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

březen

únor

leden

červen

květen

duben

září

srpen

červenec

prosinec

listopad

říjen

jih

východ

sever

okamžitě

často

západ

ačkoli

najednou

Čísla

không

một

hai

ba

bốn

năm

sáu

bảy

tám

chín

mười

mười một

mười hai

mười ba

mười bốn

mười năm

mười sáu

mười bảy

mười tám

mười chín

hai mươi

2	1	0
5	4	3
8	7	6
11	10	9
14	13	12
17	16	15
20	19	18

hai mươi mốt

hai mươi hai

hai mươi sáu

ba mươi

ba mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi bảy

bốn mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi bốn

bốn mươi tám

năm mươi

năm mươi mốt

năm mươi lăm

năm mươi chín

sáu mươi

sáu mươi mốt

sáu mươi hai

sáu mươi sáu

bảy mươi

bảy mươi mốt

26

22

21

33

31

30

41

40

37

50

48

44

59

55

51

62

61

60

71

70

66

bảy mươi ba

bảy mươi bảy

tám mươi

tám mươi mốt

tám mươi bốn

tám mươi tám

chín mươi

chín mươi mốt

chín mươi lăm

chín mươi chín

một trăm

một trăm linh một

một trăm linh năm

một trăm mười

một trăm năm mươi mốt

hai trăm

hai trăm linh hai

hai trăm linh sáu

hai trăm hai mươi

hai trăm sáu mươi hai

ba trăm

80

77

73

88

84

81

95

91

90

101

100

99

151

110

105

206

202

200

300

262

220

ba trăm linh ba

ba trăm linh bảy

ba trăm ba mươi

ba trăm bảy mươi ba

bốn trăm

bốn trăm linh bốn

bốn trăm linh tám

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm tám mươi bốn

năm trăm

năm trăm linh năm

năm trăm linh chín

năm trăm năm mươi

năm trăm chín mươi lăm

sáu trăm

sáu trăm linh một

sáu trăm linh sáu

sáu trăm mười sáu

sáu trăm sáu mươi

bảy trăm

bảy trăm linh hai

330

307

303

404

400

373

484

440

408

509

505

500

600

595

550

616

606

601

702

700

660

bảy trăm linh bảy

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm bảy mươi

tám trăm

tám trăm linh ba

tám trăm linh tám

tám trăm ba mươi tám

tám trăm tám mươi

chín trăm

chín trăm linh bốn

chín trăm linh chín

chín trăm bốn mươi chín

chín trăm chín mươi

một nghìn

một nghìn không trăm linh
một

một nghìn không trăm mười
hai

một nghìn hai trăm ba mươi
bốn

hai nghìn

hai nghìn không trăm linh hai

hai nghìn không trăm hai
mười ba

hai nghìn ba trăm bốn mươi
lăm

770

727

707

808

803

800

900

880

838

949

909

904

1001

1000

990

2000

1234

1012

2345

2023

2002

ba nghìn

ba nghìn không trăm linh ba

bốn nghìn

bốn nghìn không trăm bốn
mười lăm

năm nghìn

năm nghìn sáu trăm bảy
mười tám

sáu nghìn

bảy nghìn

bảy nghìn tám trăm chín
mười

tám nghìn

tám nghìn chín trăm linh một

chín nghìn

chín nghìn không trăm chín
mười

mười nghìn

mười nghìn không trăm linh
một

hai mươi nghìn không trăm
hai mươi

ba mươi nghìn ba trăm

bốn mươi bốn nghìn

một trăm nghìn

năm trăm nghìn

một triệu

4000

3003

3000

5678

5000

4045

7890

7000

6000

9000

8901

8000

10.001

10.000

9090

44.000

30.300

20.020

1.000.000

500.000

100.000

sáu triệu

mười triệu

bảy mươi triệu

một trăm triệu

tám trăm triệu

một tỷ

chín tỷ

mười tỷ

hai mươi tỷ

một trăm tỷ

ba trăm tỷ

một nghìn tỷ

70.000.000

10.000.000

6.000.000

1.000.000.000

800.000.000

100.000.000

20.000.000.000

10.000.000.000

9.000.000.000

1.000.000.000.000

300.000.000.000

100.000.000.000

Slovesa

biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

yêu

gọi

chờ đợi

đứng

ngồi

đóng

mở
cửa

thua

thắng

přijít

myslet

vědět

najít

vzít

dát

mluvit

pracovat

poslouchat

pomáhat

mít rád

dát

čekat

volat

milovat

zavřít

sedět

stát

vyhrát

prohrát

otevřít

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

kéo

đẩy

ấn

zapnout

žít

zemřít

zranit

zabít

vypnout

pít

sledovat

dotýkat se

potkat

chodit

jíst

následovat

políbit

vsadit

zeptat se

odpovědět

oženit se/vdát se

stisknout

tlačit

táhnout

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

thưởng thức

dọn dẹp

bắn

bojovat

chytit

udeřit

číst

běžet

hodit

počítat

opravit

psát

koupit

prodat

říznout

snít

studovat

platit

slavit

hrát

spát

střílet

čistit

užívat si

bảo vệ

tấn công

trộm

đốt

cứu

bay

khắc nhớ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủ

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

chia sẻ

cho ăn

trốn

ukrást

zaútočit

bránit

letět

zachránit

hořet

kousnout

kopnout

plivat

plakat

cítit

dýchat

smát se

usmát se

zpívat

hádat se

zmenšovat se

růst

schovat

krmit

sdílet

cảnh báo

bơi

nhảy

nâng

đào

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

nôn

la hét

trích dẫn

in

tính toán

kiếm tiền

skočit

plavat

varovat

doručit

kopat

zvednout

cestovat

cvičit

hledat

zamknout

otevřít

malovat

uvařit

modlit se

umýt

citovat

křičet

zvracet

vydělat

vypočítat

vytisknout

Přídavná jména

mới

cũ

ít

nhiều

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

lớn
to

xinh đẹp

trẻ

già

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

málo

starý

nový

správný

nesprávný

mnoho

šťastný

dobrý

špatný

malý

dlouhý

krátký

mladý

krásný

velký

černá

bílá

starý

zelená

modrá

červená

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

dễ

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

rychlý

pomalý

žlutá

spravedlivý

nespravedlivý

legrační

bohatý

snadný

obtížný

slabý

silný

chudý

hrdý

unavený

bezpečný

zdravý

nemocný

sytý

vysoký

nízký

rozzlobený

ngọt

chua

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

lo lắng

ngạc nhiên

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

màu cam

màu xám

màu nâu

màu hồng

měkký

kyselý

sladký

hloupý

roztomilý

tvrdý

vysoký

zanepřázdněný

šílený

překvapený

ustaraný

malý

chytrý

zlý

vychovaný

oranžová

horký

studený

růžová

hnědá

šedá

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

đốc

bằng phẳng

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

quyến rũ

lehký

těžký

nudný

žízňivý

hladový

osamělý

plochý

strmý

smutný

hluboký

široký

úzký

špinavý

obrovský

mělký

prázdný

plný

čistý

sexy

levný

drahý

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

ướt

khô

ồn ào

yên tĩnh

nắng

nhiều mưa

sương mù
tính từ

nhiều mây

štědrý

statečný

líný

hlasitý

suchý

mokrý

deštivý

slunný

klidný

oblačný

mlhavý

Sport

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

chạy marathon

ba môn phối hợp

bóng bàn

cử tạ

quyền anh

cầu lông

trượt băng nghệ thuật

trượt ván tuyết

trượt tuyết

trượt tuyết băng đồng

khúc côn cầu trên băng

běh

tenis

gymnastika

fotbal

golf

cyklistika

potápění

plavání

basketbal

triathlon

maratón

turistika

box

vzpírání

stolní tenis

snowboarding

krasobruslení

badminton

lední hokej

běh na lyžích

lyžování

bóng chuyền

bóng ném

bóng chuyền bãi biển

bóng rugby

bóng gậy

bóng chày

bóng bầu dục Mỹ

bóng nước

nhảy cầu

lướt sóng

đua thuyền buồm

chèo thuyền

yoga

khiêu vũ

nhảy dù

cờ vua

đánh bài poker

bowling

múa ba lê

plážový volejbal

házená

volejbal

baseball

kriket

ragby

skoky do vody

vodní pólo

Americký fotbal

veslování

plachtění

surfování

parašutismus

tanec

jóga

bowling

poker

šach

balet

Zvířata

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

con rắn

con hổ

con chuột

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

kůň

kráva

prase

opice

ovce

pes

kuře

medvěd

kočka

včela

motýl

kachna

had

pavouk

ryba

králík

myš

tygr

slon

osel

lev

con chim bồ câu

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

con gấu trúc

con gấu Bắc cực

con chó sói

con gấu túi

con chuột túi

con hươu cao cổ

con cáo

con hà mã

con dơi

con quạ

con thiên nga

komár

brouk

holub

velryba

mravenec

moucha

hlemýžď

delfín

žralok

lední medvěd

panda

žába

klokan

koala

vlk

hroch

liška

žirafa

labuť

havran

netopýr

con chim hải âu

con cú

con chim cánh cụt

con vẹt

con sâu bướm

con chuồn chuồn

con mực ống

con bạch tuộc

con cá ngựa

con hải cẩu

con sứa

con cua

con khủng long

con rùa cạn

con cá sấu

tučňák

sova

racek

vážka

housenka

papoušek

mořský koník

chobotnice

oliheň

krab

medúza

tuleň

krokodýl

želva

dinosaurus

Země

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

Châu Phi

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Amerika

Asie

Evropa

Španělsko

Spojené království

Afrika

Francie

Itálie

Švýcarsko

Singapur

Thajsko

Německo

Izrael

Japonsko

Rusko

Spojené státy americké

Čína

Indie

Chile

Kanada

Mexiko

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Jižní Afrika

Argentina

Brazílie

Libye

Maroko

Nigérie

Egypt

Alžírsko

Keňa

Austrálie

Nový Zéland

Tělo

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

cổ

mông

vai

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

vlas

nos

hlava

oko

ucho

ústa

srdce

chodidlo

ruka

zadek

krk

mozek

noha

koleno

rameno

ňadro

břicho

paže

jazyk

zub

záda

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

trán

cằm

má
cơ thể

râu

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

móng tay

gót chân

xương sống

prst u nohy

prst

ret

játra

plíce

žaludek

střevo

ledvina

nerv

tvář

brada

čelo

malíček

palec

vousy

ukazováček

prostředníček

prsteník

páteř

pata

nehet

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàng quang

tĩnh mạch

động mạch

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

kostra

kost

sval

močový měchýř

obratel

žebro

vagina

tepna

žíla

varle

penis

sperma

Dũm

cửa

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

thùng rác

tô

bàn
văn phòng

koupelna

kuchyně

dveře

zahrada

ložnice

obývací pokoj

suterén

stěna

garáž

střecha

schody

toaleta

šálek

nůž

okno

pohár

talíř

sklenice

psací stůl

miska

odpadkový koš

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hàng xóm

thang máy

ban công

gác xép

ống khói

muỗng gỗ

đũa

bộ dao nĩa

muỗng

nĩa

cái vá

nồi

chảo

sprcha

zrcadlo

postel

hodiny

obrázek

gauč

soused

židle

stůl

podkroví

balkón

výtah

hůlka

vařečka

komín

vidlička

lžíce

příbor

pánev

hrnec

naběračka

bóng đèn

giá sách

rèm

nệm

gối

chăn

kệ

ngăn kéo

tủ quần áo

xô

chổi

cái cân

giỏ đựng đồ giặt

bồn tắm

khăn tắm
to lớn

xà phòng

giấy vệ sinh

khăn tắm
nhỏ bé

bồn rửa mặt

cái thang

hộp thư

záclona

knihovna

žárovka

deka

polštář

matrace

skříň

šuplík

police

váha

koště

kbelík

osuška

vana

koš na prádlo

ručník

toaletní papír

mýdlo

poštovní schránka

žebřík

umyvadlo

hàng rào



Jídlo

trứng

phô mai

sữa

cá

thịt

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

nước

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

mléko

sýr

vejce

kost

maso

ryba

cukr

chléb

olej

dort

bonbóny

čokoláda

čaj

káva

voda

salát

víno

pivo

snídaně

dezert

polévka

bữa trưa

bữa tối

pizza

kem

bơ

sữa chua

cá ngừ

cá hồi

giăm bông

thịt ba rọi

xúc xích

thịt gà tây

thịt gà

thịt bò

thịt heo

thịt cừu

bí ngô

nấm

nấm cục

tỏi

tỏi tây

pizza

večeře

oběd

jogurt

máslo

zmrzlina

šunka

losos

tuňák

krůtí

klobása

slanina

vepřové

hovězí

kuřecí

houba

dýně

jehněčí

pórek

česnek

lanýž

gừng

cà tím

khoai lang

cà rốt

dưa chuột

ớt

ớt chuông

củ hành

khoai tây

bông cải trắng

bắp cải

bông cải xanh

xà lách

rau chân vịt

tre

ngô

cần tây

đậu Hà Lan

hạt đậu

quả lê

quả táo

batáty

lilek

zázvor

chili

okurka

mrkev

brambor

cibule

pepř

brokolice

zelí

květák

bambus

špenát

hlávkový salát

hrášek

celer

kukuřice

jablko

hruška

fazole

quả ô liu

quả sung

quả chà là

quả dừa

quả hạnh nhân

hạt phỉ

đậu phộng

quả chuối

quả xoài

quả kiwi

quả bơ

quả dứa

dưa hấu

quả nho

dưa gang

quả mâm xôi

quả việt quất

quả dâu tây

quả anh đào

quả mận

quả mơ

datle

fík

oliva

lískový oříšek

mandle

kokosový ořech

mango

banán

arašíd

ananas

avokádo

kiwi

cukrový meloun

hrozen vína

vodní meloun

jahoda

borůvka

malina

meruňka

švestka

třešeň

quả đào

quả chanh

quả bưởi

quả cam

cà chua

bạc hà

sả

quế

vani

muối

tiêu

cà ri

thuốc lá
thực vật

đậu hũ

giấm

mì sợi

sữa đậu nành

bột mì

gạo

yến mạch

lúa mì

grapefruit

citron

broskev

máta

rajče

pomeranč

vanilka

skořice

citronová tráva

kari

černý pepř

sůl

ocet

tofu

tabák

mouka

sójové mléko

nudle

pšenice

oves

rýže

đậu nành

hạt

mật ong

mứt

kẹo cao su

bánh kẹp

bánh quy

bánh pudding

bánh muffin

bánh rán vòng

nước tăng lực

nước cam

nước táo

sữa lắc

coca cola

sô cô la nóng

rượu cocktail

rượu rum

rượu whisky

rượu vodka

thực đơn

med

ořech

sója

lívánek

žvýkačka

džem

muffin

pudink

sušenka

pomerančový džus

energetický nápoj

kobliha

kola

mléčný koktejl

jablečný džus

rum

koktejl

horká čokoláda

jídelní lístek

vodka

whisky

hải sản

mì Ý

sushi

bắp rang bơ

khoai tây lát mỏng

cánh gà

khoai tây chiên

mù tạt

sốt mayonnaise

nước sốt cà chua

bánh mì kẹp

bánh mì kẹp xúc xích

bánh burger

sushi

špagety

plody moře

kuřecí křídla

bramborové chipsy

popcorn

majonéza

hořčice

hranolky

párek v rohlíku

sendvič

kečup

burger

Škola

sách

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

cây bút

bút chì

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

nghiên cứu

bằng cấp

sân thể thao

từ điển

học kì

sổ tay

hình học

domácí úkol

knihovna

kniha

věda

lekce

zkouška

pero

umění

dějepis

druhý

první

tužka

výzkum

čtvrtý

třetí

slovník

sportovní hřiště

titul

geometrie

sešit

pololetí

chính trị học

triết học

kinh tế học

giáo dục thể chất

sinh học

toán học

địa lý

văn học

hóa học

vật lý

cải thước

cục tẩy

cái kéo

băng dính

keo dán

bút bi

kẹp giấy

ba phần trăm

một trăm phần trăm

không phần trăm

mét khối

ekonomika

filozofie

politika

matematika

biologie

tělesná výchova

chemie

literatura

zeměpis

guma

pravítko

fyzika

lepidlo

lepící páska

nůžky

3%

kancelářská sponka

kuličkové pero

metr krychlový

0%

100%

mét vuông

dặm

mét

mi-li-mét

xen-ti-mét

đề-xi-mét

phép cộng

phép trừ

phép nhân

phép chia

diện tích

thể tích

hình chữ nhật

hình vuông

tam giác

hình tròn

lít

mililít

tấn

kilôgam

gram

metr

míle

metr čtvereční

decimetr

centimetr

milimetr

násobení

odčítání

sčítání

objem

plocha

dělení

trojúhelník

čtverec

obdélník

mililitr

litr

kružnice

gram

kilogram

tuna

nam châm

kính hiển vi

cái phễu

phòng thí nghiệm

bài giảng

trychtýř

mikroskop

magnet

přednáška

laboratoř

Příroda

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

đại dương

biển

băng

tuyết

diamant

ohně

popel

hvězda

Slunce

měsíc

jezero

pobřeží

planeta

kopec

poušť

les

údolí

řeka

skála

oceán

ostrov

hora

sníh

led

moře

bão táp

mưa

gió

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

kim loại

đất

dung nham

than

cát

đất sét

tên lửa

vệ tinh

thiên hà

tiểu hành tinh

lục địa

đường Xích đạo

Nam cực

Bắc cực

vítr

děšť

bouře

růže

tráva

strom

půda

kov

květina

písek

uhlí

láva

družice

raketa

jíl

kontinent

asteroid

galaxie

Severní pól

Jižní pól

rovník

suối

rừng nhiệt đới

hang

thác nước

bờ biển
con sông

sông băng

động đất

miệng núi lửa

núi lửa

khí quyển

lũ lụt

sương mù
danh từ

cầu vồng

tiếng sấm

tia chớp

cơn dông

nhiệt độ

bão nhiệt đới

bão

mây

cành cây

jeskyně

deštný prales

potok

ledovec

pobřeží

vodopád

sopka

kráter

zemětřesení

mlha

povodeň

atmosféra

blesk

hrom

duha

tajfun

teplota

bouřka

větev

mrak

hurikán

lá cây

rễ cây

thân cây

hạt giống

nhựa

cacbon đioxit

nguyên tử

sắt

ôxy

vàng

bạc

kmen

kořen

list

oxid uhličitý

plast

semínko

kyslík

železo

atom

stříbro

zlato

Doprava

xe hơi

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

ắc quy

động cơ
xe hơi

túi khí

vô-lăng

dây an toàn

lốp xe

cốp sau

vlak

autobus

auto

letadlo

autobusová zastávka

vlakové nádraží

jízdní kolo

nákladní auto

lod'

semafor

taxi

motocykl

baterie

silnice

parkoviště

volant

airbag

motor

zadní kufr

pneumatika

bezpečnostní pás

máy bán vé

phòng bán vé

tàu điện ngầm

tàu cao tốc

đầu máy

xe điện

xe buýt trường học

xe buýt nhỏ

sân bay

hãng hàng không

máy bay trực thăng

hạng nhất

hạng phổ thông

hạng thương gia

áo phao

công ten nơ

tàu ngầm

tàu du lịch

tàu chở hàng

du thuyền

phà

metro

pokladna

automat na jízdenky

tramvaj

lokomotiva

vysokorychlostní vlak

letišťe

minibus

školní autobus

první třída

helikoptera

aerolinka

záchranná vesta

byznys třída

ekonomická třída

výletní loď

ponorka

kontejner

trajekt

jachta

kontejnerová loď

hải cảng

xuồng cứu sinh

ra đa

đèn đường

vĩa hè

trạm xăng

công trường

vạch qua đường

tắc đường

đường cao tốc

xe tăng

máy xúc

máy kéo

rơ-moóc

xe tay ga

xe cáp treo

radar

záchranný člun

přístav

čerpací stanice

chodník

pouliční osvětlení

dopravní zácpa

přechod pro chodce

staveniště

bagr

tank

dálnice

motorový skútr

přívěs

traktor

lanovka

Město

bệnh viện

trường học

nhà ở

hóa đơn

chợ

siêu thị

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

dům

škola

nemocnice

supermarket

trh

účet

farma

univerzita

byt

bar

restaurace

kostel

toaleta

park

posilovna

policie

záchranná služba

mapa

předměstí

země

hasiči

ngôi làng

bảo hành

trung tâm mua sắm

tiệm thuốc

tòa nhà chọc trời

lâu đài

đại sứ quán

giáo đường Do Thái

ngôi đền

nhà máy

nhà thờ Hồi giáo

tòa thị chính

bưu điện

đài phun nước

câu lạc bộ đêm

băng ghế

sân golf

sân bóng đá

hồ bơi
tòa nhà

sân quần vợt

thông tin du lịch

obchodní dům

záruka

vesnice

hrad

mrakodrap

lékárna

chrám

synagoga

ambasáda

radnice

mešita

továrna

noční klub

fontána

pošta

fotbalový stadion

golfové hřiště

lavice

turistické informace

tenisový kurt

plavecký bazén

sòng bạc

phòng triển lãm nghệ thuật

bảo tàng

công viên quốc gia

quà lưu niệm

thủy cung

trượt nước

tàu lượn siêu tốc

công viên nước

vườn bách thú

sân chơi

cửa thoát hiểm
tòa nhà

chuông báo cháy

bình cứu hỏa

đồn cảnh sát

tiểu bang

khu vực

thủ đô

muzeum

galerie umění

kasino

akvárium

suvenýr

národní park

vodní park

horská dráha

tobogán

nouzový východ

hřiště

zoo

policejní stanice

hasicí přístroj

požární hlásič

hlavní město

kraj

stát

Nemocnice

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

ho

phòng cấp cứu

khoa hồi sức tích cực

phòng chờ

thuốc aspirin

thuốc ngủ

ngày hết hạn

liều lượng

si-rô ho

tác dụng phụ

insulin

bột

viên nhộng

vitamin

thuốc giảm đau

kháng sinh

operace

pacient

nehoda

kašel

horečka

pilulka

čekárna

jednotka intenzivní péče

pohotovost

datum spotřeby

prášek na spaní

aspirin

vedlejší účinek

sirup proti kašli

dávkování

kapsle

prášek

inzulín

antibiotika

lék proti bolesti

vitamín

vi khuẩn

vi rút

đau tim

tiêu chảy

tiểu đường

đột quỵ

hen suyễn

ung thư

cúm

đau răng

cháy nắng

viêm họng

đau bụng

nhiễm trùng

dị ứng

chuồn rút

đau đầu

ống tiêm

nặng

chụp X quang

máy siêu âm

infarkt

virus

bakterie

mrtvice

cukrovka

průjem

chřipka

rakovina

astma

bolest krku

úžeh

bolest zubů

alergie

infekce

bolení břicha

stříkačka

bolest hlavy

křeč

ultrazvukový přístroj

rentgenový snímek

berle

bó bột
nhỏ bé

xe lăn

bó bột
gãy xương

mạch

chấn thương

cấp cứu

chấn động

vết bỏng

gãy xương

thuốc tránh thai

thử thai

sádra

invalidní vozík

náplast

pohotovost

zranění

puls

zlomenina

popálenina

otřes mozku

těhotenský test

antikoncepční pilulka

Povolání

bác sĩ

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

người mẫu

nghệ sĩ

thủ tướng

dược sĩ

policista

zdravotní sestra

doktor

detektiv

kapitán

prezident

učitel

profesor

pilot

asistent

sekretářka

právník

kuchař

manažer

soudce

modelka

řidič autobusu

taxikář

lékárník

premiér

umělec

lính cứu hỏa
người

nha sĩ

doanh nhân

chính trị gia

lập trình viên

tiếp viên hàng không

nhà khoa học

giáo viên mầm non

kiến trúc sư

kế toán viên

tư vấn viên

công tố viên

tổng quản lý

vệ sĩ

chủ nhà

bồi bàn

nhân viên bảo vệ

bộ đội

ngư dân

nhân viên vệ sinh

thợ sửa ống nước

podnikatel

zubař

hasič

letuška

programátor

politik

architekt

učitelka v mateřské škole

vědec

prokurátor

konzultant

účetní

bytný

osobní strážce

generální ředitel

voják

ochranka

číšník

instalatér

uklízeč

rybář

thợ điện

nông dân

lễ tân

người đưa thư

thu ngân

thợ làm tóc

tác giả

nhà báo

nhiếp ảnh gia

nhân viên cứu hộ

ca sĩ

nhạc sĩ

diễn viên

phóng viên

huấn luyện viên

trọng tài

recepční

zemědělec

elektrikář

kadeřník

pokladní

listonoš

fotograf

novinář

spisovatel

hudebník

zpěvák

plavčík

trenér

reportér

herec

rozhodčí

Podnikání

tiền

văn phòng

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

số điện thoại

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

stres

kancelář

peníze

oddělení

personál

pojištění

dopis

adresa

plat

e-mailová adresa

url

telefonní číslo

podpis

e-mail

webová stránka

zákazník

zisk

ztráta

heslo

kreditní karta

částka

máy rút tiền

thuế

phòng họp

danh thiếp

công nghệ thông tin

nhân sự

bộ phận pháp lý

kế toán

tiếp thị

bán hàng

đồng nghiệp

người sử dụng lao động

nhân viên
người

chú thích

thuyết trình

bìa cứng

con dấu cao su

máy chiếu

bưu kiện

con tem

phong bì

zasedací místnost

daň

bankomat

lidské zdroje

IT

vizitka

marketing

účetnictví

právní oddělení

zaměstnavatel

kolega

odbyt

prezentace

poznámka

zaměstnanec

projektor

razítko

šanon

obálka

známka

balíček

trình duyệt

đầu tư

sàn giao dịch chứng khoán

tiền giấy

tiền xu

tiền lãi

khoản vay

số tài khoản

tài khoản ngân hàng

burza

investice

prohlížeč

úrok

mince

bankovka

bankovní účet

číslo účtu

půjčka

Zařízení

điện thoại

bộ tivi

máy ảnh

đài radio

quạt

máy điều hòa

máy pha cà phê

máy nướng bánh mì

máy hút bụi

máy sấy tóc

ấm đun nước

máy rửa chén

bếp điện

lò nướng

lò vi sóng

tủ lạnh

máy giặt

điều khiển từ xa

tai nghe

chuột

bàn phím

fotoaparát

televizor

telefon

klimatizace

větrák

rádio

vysavač

topinkovač

kávovar

myčka

konvice

fén

mikrovlnná trouba

trouba

vaříč

dálkové ovládání

pračka

lednička

klávesnice

myš

sluchátko

ổ cứng

thanh USB

máy quét

máy in

màn hình

máy tính xách tay

rô bốt

loa

skener

USB klíč

pevný disk

notebook

obrazovka

tiskárna

reproduktor

robot